TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT
Ngày: 28-02-2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng công trình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Bà Trần Thị Túc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 02/2023/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng công trình*".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi ngày mở phiên tòa xét xử vụ án số 01/TB-TA ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X.

Địa chỉ trụ sở: Số A đường N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh V – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1978 (địa chỉ liên hệ: Tầng E, Tòa nhà V, số E L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội), theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần X1.

Địa chỉ trụ sở: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Viết T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số nhà B, ngõ B, đường L, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần X1, là bị đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X (sau đây viết là Công ty X) trình bày:

Ngày 18/8/2009, Công ty X và Công ty Cổ phần X1 (sau đây viết là Công ty X1) ký kết Hợp đồng số 103/2009/ĐVC-CCIC về việc thi công xây lắp Silô ximăng, Silô clinker, S, Thạch cao, Nhà nghiền, Nhà đóng bao và xuất xi măng của Dự án Nhà máy N tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, theo đó Công ty X là nhà thầu thi công xây dựng Dự án Nhà máy N và hoàn thành nghĩa vụ Hợp đồng số 103 cùng với 09 phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Ngày 31/3/2014, giữa Công ty X và Công ty X1 thống nhất ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 21/2014/CNHB và Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó hai bên xác định số tiền Công ty X1 đã thanh toán cho Công ty X là 36.416.100.884 đồng và số tiền còn nợ Công ty X là 7.130.396.290 đồng.

Từ năm 2014 đến nay, mặc dù Công ty X đã nhiều lần yêu cầu Công ty X1 trả số tiền nợ nêu trên nhưng Công ty X1 vẫn không thực hiện đúng việc thanh toán số tiền nợ. Đến nay, Công ty X1 vẫn còn nợ Công ty X số tiền gốc là 3.030.396.290 đồng. Vì vậy, Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền 5.782.164.828 đồng, trong đó nợ gốc là 3.030.396.290 đồng và lãi chậm thanh toán từ 01/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2023) là 2.751.768.538 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 28/4/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần X1 trình bày:

Công ty X1 thừa nhận giữa Công ty X1 và Công ty X có ký kết hợp đồng số 103/2009/ĐVC-CCIC về việc thi công xây lắp Silô ximăng, Silô clinker, S, Thạch cao, Nhà nghiền, Nhà đóng bao và xuất xi măng của Dự án Nhà máy N tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi như Công ty X đã trình bày; các bên đã thực hiện xong các công việc như thỏa thuận, đã nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, đã quyết toán và thanh lý hợp đồng. Hiện nay, Công ty X1 còn nợ Công ty X số tiền theo hợp đồng nêu trên là 3.030.396.290 đồng.

Công ty X1 đề nghị Công ty X chia sẻ khó khăn trong giai đoạn hiện nay vì nhà máy của Công ty X1 đã tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng nên Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính. Đến khi nhà máy được hoạt động chính thức, có nguồn tài chính ổn định thì Công ty sẽ chủ động thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Công ty X.

Công ty X1 không đồng ý đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty X, vì theo hợp đồng đã ký kết nêu trên không thể hiện và cũng không thỏa thuận về nội dung tính lãi chậm thanh toán, mặt khác do sự kiện bất khả kháng nên Nhà máy không hoạt động được, dẫn đến không có nguồn tài chính để thanh toán tiền nợ cho Công ty X.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn quyết định:

1. Buộc Công ty Cổ phần X1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X tổng số tiền 5.782.164.828 đồng, trong đó nợ gốc là 3.030.396.290 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ 01/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2023) là 2.751.768.538 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.782.165 đồng.

3. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 56.835.821 đồng theo biên lai thu số 0003464, ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, Công ty Cổ phần X1 có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy Bản án số 01/2023/KDTM-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi toàn bộ nội dung kháng cáo, cụ thể: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo hướng: Tính lại thời điểm trả lãi suất chậm trả trên số tiền còn nợ là 3.030.396.290 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2023). Căn cứ kháng cáo theo nội dung này: Sau khi các bên lập biên bản thanh lý hợp đồng và tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 31/3/2014, bị đơn nhiều lần thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn; giữa nguyên đơn và bị đơn từ trước đến nay không có thỏa thuận về việc trả lãi suất trên số tiền còn nợ. Tại Công văn số 01/CCIC-KHDA ngày 04/01/2023, phía nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 3.030.396.290 đồng trước ngày 30/01/2023. Do đó, thời điểm bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả trên số tiền 3.030.396.290 đồng tính từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi toàn bộ nội dung kháng cáo, theo đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng tính lại thời điểm tính lãi suất chậm trả số tiền 3.030.396.290 đồng từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy việc bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo này.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền 3.030.396.290 đồng từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử tiếp tục xét xử vụ án án.

[1.2] Ngày 26/7/2023, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử và tuyên án. Ngày 08/8/2023, Công ty X1 có đơn kháng cáo. Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo phù hợp quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi toàn bộ nội dung kháng cáo, theo đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại thời điểm tính lãi suất chậm trả số tiền 3.030.396.290 đồng từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu quy định tại Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của Công ty X1 về thời điểm tính lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc 3.030.396.290 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Biên bản thanh lý Hợp đồng số 21/2014/CNHB ngày 31/3/2014, các bên xác định Công ty X1 còn nợ Công ty X số tiền 7.130.396.290 đồng. Trong

nội dung Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2014, giữa Công ty X với Công ty X1 cũng không thỏa thuận đến thời hạn trả tiền nợ, cũng như lãi suất chậm trả nợ. Sau đó, Công ty X1 đã nhiều lần thanh toán tiền nợ cho Công ty X và còn nợ lại số tiền 3.030.396.290 đồng. Ngày 04/01/2023, Công ty X có Công văn số 01/CCIC-KHDA gửi Công ty X1 yêu cầu phải thanh toán số tiền 3.030.396.290 đồng "*trước ngày 30/01/2023*"; trong Công văn cũng không đề cập đến việc tính tiền lãi chậm trả (Bút lục 132). Đây là thỏa thuận chốt nợ sau cùng, theo đó nguyên đơn đồng ý thỏa thuận cho bị đơn phải trả số tiền 3.030.396.290 đồng còn lại "*trước ngày 30/01/2023*". Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 01/4/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (26/7/2023) là không chính xác; lẽ ra, trong trường hợp này phải xác định thời điểm tính tiền lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 31/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý chấp nhận với mức lãi suất 10%/năm mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng để tính lãi suất chậm trả, nên mức lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, tính lại tiền lãi chậm trả mà Công ty X1 phải trả cho Công ty X từ ngày 31/01/2023 đến ngày 26/7/2023 (05 tháng 26 ngày), theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 3.030.396.290 đồng x 10%/năm x 05 tháng 26 ngày = 147.852.897 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc 3.030.396.290 đồng và 147.852.897 đồng tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 3.178.249.187 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 2.603.915.641 đồng tiền lãi chậm trả.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi chậm trả, nên án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cần phải được tính lại như sau:

Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên Công ty X1 phải chịu tiền án phí là: 72.000.000 đồng + [(3.178.249.187 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%] = 95.564.984 đồng.

Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên Công ty X phải chịu tiền án phí là: 72.000.000 đồng + [(2.603.915.641 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%] = 84.078.312 đồng, nhưng được khấu trừ vào 56.835.821 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003464, ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Công ty X còn phải nộp tiếp số tiền 27.242.491 đồng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, nên Công ty X1 không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty X1 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006754 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Cổ phần X1. Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 76 và Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003; Điều 26 và Điều 42 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Điều 280 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X.

Buộc Công ty Cổ phần X1 phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X số tiền 3.178.249.187 đồng (*Ba tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn, một trăm tám mươi bảy đồng*), trong đó có 3.030.396.290 đồng tiền nợ gốc và 147.852.897 đồng tiền lãi chậm trả.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X về việc yêu cầu Công ty Cổ phần X1 phải trả 2.603.915.641 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm lẻ ba triệu, chín trăm mười lăm ngàn, sáu trăm bốn mươi mốt đồng)* tiền lãi chậm trả.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X phải chịu 84.078.312 đồng *(T1 mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm mười hai đồng)* tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 56.835.821 đồng (*Năm mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm hai mươi mốt đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003464, ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X còn phải nộp tiếp số tiền 27.242.491 đồng (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi mốt đồng*).

Công ty Cổ phần X1 phải chịu 95.564.984 đồng (*Chín mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi bốn ngàn, chín trăm tám mươi bốn đồng*) tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần X1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần X1 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006754 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Bình Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Dũng